

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Hằng.
- Ông Trần Văn Nhị.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị Trúc L, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp GD, xã BHT, huyện MH, tỉnh Long An.
- Bị đơn:*** Ông Trương Quốc D, sinh năm 1986; Địa chỉ: 14/2 Khu phố A, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Trúc L trình bày:

Bà và ông D do quen biết rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 16/11/2015 tại UBND thị trấn TT. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng 02 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn không thể nói chuyện và giải quyết được vì ông D thường xuyên chơi cờ bạc và có mối quan hệ khác ngoài hôn nhân, bà L nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Vợ chồng bà có 02 người con chung là Trương Hoàng Ph, sinh ngày 04/3/2016 và Trương Quốc H, sinh ngày 04/11/2017 hiện đang sống chung với bà L. Năm 2022, bà L có làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và có rút đơn nhưng ông D không thay đổi. Nay bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trương Quốc D.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên Trương Hoàng Ph, sinh ngày 04/3/2016 và Trương Quốc H, sinh ngày 04/11/2017 hiện đang sống chung với bà L. Khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Trương Hoàng Ph, sinh ngày 04/3/2016 và Trương Quốc H, sinh ngày 04/11/2017, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không ý kiến gì thêm.

Bị đơn ông Trương Quốc D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lời trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì ông Trương Quốc D vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa ra vụ án xét xử.

Chứng cứ mà bà Trần Thị Trúc L cung cấp trong vụ án là: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao giấy khai sinh của con chung; Bản photo căn cước công dân bà L; Xác nhận thông tin về nơi cư trú; Bản sao Quyết định số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị Trúc L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Quốc D. Ông D cư trú tại Khu phố A, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Trúc L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại văn bản xác nhận thông tin về cư trú của Công an thị trấn Thủ Thừa xác nhận ông Trương Quốc D có nơi thường trú và nơi ở hiện nay tại số nhà 14/2 Khu phố A, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An. Do đó, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông D, ông D đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L và ông D.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà L, thấy rằng: Bà L và ông D xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/11/2015 nên hôn nhân của bà L và ông D là hôn nhân hợp pháp. Theo bà L nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D thường xuyên chơi cờ bạc và có mối quan hệ khác ngoài hôn nhân, bà L nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Năm 2022 bà L đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông D nhưng sau đó rút đơn để cho ông D cơ hội sửa đổi nhưng không được. Khoảng 02 năm

nay thì bà L cùng con chung là Trương Hoàng Ph, sinh ngày 04/3/2016 và Trương Quốc H, sinh ngày 04/11/2017 về nhà cha mẹ ruột ở Ấp GD, xã BHT, huyện MH, tỉnh Long An sống cho đến nay. Từ đó đến nay bà L và ông D có gặp nhau nhưng không có tiếng nói chung, bà cũng không có ý muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay xét thấy tình cảm không còn nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông D. Về phía ông D, từ khi bà L nộp đơn khởi kiện đến nay mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L nhưng ông D cũng không có ý kiến gì, liên tiếp vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy ông D không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và gìn giữ cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà bà L đã trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà L và ông D có 02 con chung tên Trương Hoàng Ph, sinh ngày 04/3/2016 và Trương Quốc H, sinh ngày 04/11/2017 hiện đang sống với bà L. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, hiện cháu Phúc và cháu Hào đang sống với bà L, cuộc sống đã ổn định, các cháu vẫn phát triển bình thường, cháu Phúc có nguyện vọng ở với bà L khi cha mẹ ly hôn, bà L có khả năng chăm sóc con chung tốt. Ông D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu nuôi con của bà L nhưng không có ý kiến phản hồi gì. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Phúc và cháu Hào cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về phân cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận bà L không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con do đó ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Trúc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Trúc L về việc "Ly hôn" với ông Trương Quốc D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Trúc L được ly hôn với ông Trương Quốc D.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Trúc L tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Trương Hoàng Ph, sinh ngày 04/3/2016 và Trương Quốc H, sinh ngày 04/11/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trương Quốc D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Trúc L chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006472 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, bà Trần Thị Trúc L đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Trần Thị Trúc L và ông Trương Quốc D vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- CCTHADS huyện Thủ Thừa;
- UBND thị trấn Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Quân

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 12 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Mạnh Quyết.

Ông Nguyễn Hồng Phong.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **282/2022/TLST-HNGĐ** ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “*ly hôn*” giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Trúc L, sinh năm 2001.

Hộ khẩu thường trú: Ấp Bà Mía, xã Long Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: 179 ấp Phú Ninh, xã Phú Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Trương Quốc D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp Bà Mía, xã Long Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Trúc L về việc “*Ly hôn*” với ông Trương Quốc D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Trúc L được ly hôn với ông Trương Quốc D.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Trúc L tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Trâm, sinh ngày 20/12/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trương Quốc D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Trúc L chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002670 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, bà Trần Thị Trúc L đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Trần Thị Trúc L và ông Trương Quốc D vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc giờ phút, ngày 27 tháng 12 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Mạnh Quyết

Nguyễn Hồng Phong

Nguyễn Đức Quân